

Số: /BC-UBND

Đồng Tháp, ngày tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO
Cải cách hành chính Quý I năm 2024

Thực hiện Công văn số 581/BNV-CCHC ngày 21/02/2022 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính (CCHC) định kỳ, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Đồng Tháp báo cáo kết quả CCHC Quý I năm 2024, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC

1. Đánh giá các hoạt động chỉ đạo, điều hành của Tỉnh

Ngay từ đầu năm, Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động năm 2024, theo đó, chỉ đạo tiếp tục đẩy mạnh công tác chuyển đổi số, tập trung trên 03 ngành: Nông nghiệp, giáo dục, y tế; đẩy mạnh CCHC, xây dựng chính quyền kiến tạo, hành động, thân thiện, phục vụ Nhân dân. Trên cơ sở đó, UBND Tỉnh Quyết định về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ, Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh khóa XI năm 2024 và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Tỉnh về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; Kế hoạch CCHC năm 2024; Kế hoạch kiểm tra CCHC năm 2024... Ngoài ra, còn ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Bên cạnh đó, UBND Tỉnh, Chủ tịch UBND Tỉnh ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành trong thực hiện công tác CCHC, như: Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục thực hiện nghiêm việc chấn chỉnh, tăng cường trách nhiệm trong xử lý công việc, công tác đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo các sở, ban, ngành tỉnh và UBND huyện, thành phố tăng cường thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm tổ chức thực hiện CCHC trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) và sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp về việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ CCHC của ngành, địa phương; thường xuyên chấn chỉnh việc giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) bị trễ hạn, quá hạn và thái độ của công chức, viên chức khi tiếp xúc công dân của các cơ quan, địa phương; yêu cầu các cơ quan, địa phương thường xuyên rà soát, cắt giảm, kiến nghị đề xuất cắt giảm, đơn giản hoá quy định, TTHC thực chất, hiệu quả, nhất là các giấy phép liên quan đến hoạt động kinh doanh; thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hoá giấy phép ngay sau khi được các cơ quan cấp trên phê duyệt, thực hiện nghiêm túc việc số

hóa dữ liệu TTHC để phục vụ kết nối, chia sẻ, khai thác, tái sử dụng dữ liệu, tiếp nhận, giải quyết 100% hồ sơ TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC và liên thông, đồng bộ với Công Dịch vụ công Quốc gia để người dân, doanh nghiệp theo dõi, đánh giá quá trình thực hiện...

Ngày 19/02/2024, UBND Tỉnh tổ chức Hội nghị công bố Chỉ số CCHC, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2023 và triển khai nhiệm vụ CCHC năm 2024. Tại Hội nghị, Chủ tịch UBND Tỉnh yêu cầu các sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện rà soát lại từng tiêu chí, đánh giá điểm mạnh, điểm yếu để nhận diện, đưa vào kế hoạch công tác năm 2024 và đề ra giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế nhằm tạo chuyển biến mạnh hơn nữa trong thời gian tới. Các ngành, các cấp cần thay đổi tư duy, phương pháp làm việc để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ hiện nay; lãnh đạo và đội ngũ công chức, viên chức phải nắm chắc quy chế, quy định, nhiệm vụ được giao và tiến độ công việc hằng ngày, hằng tuần, phân định nhiệm vụ rõ ràng, mỗi nhiệm vụ chỉ giao cho một người chủ trì và chịu trách nhiệm, nhất là phải nắm chắc những hồ sơ TTHC của người dân còn vướng mắc ở khâu nào, còn gặp khó khăn gì để có hướng xử lý kịp thời; bên cạnh đó, thực hiện tốt kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC thuộc thẩm quyền quản lý, trong đó, phải đặt yêu cầu cao hơn trong thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ công chức, viên chức, như: Rút ngắn thời hạn xử lý, đơn giản hóa các bước không cần thiết, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào thực hiện nhiệm vụ... Đồng thời, Chủ tịch UBND Tỉnh đã trao Cờ cho 02 đơn vị dẫn đầu trong phong trào thi đua CCHC¹.

2. Tiến độ thực hiện Kế hoạch CCHC

Kế hoạch CCHC năm 2024 của Tỉnh gồm: 08 lĩnh vực, 18 mục tiêu, 31 nhiệm vụ và 46 hoạt động cụ thể.

Quý I năm 2024, Tỉnh đã triển khai, tổ chức thực hiện hoàn thành 06/31 nhiệm vụ theo kế hoạch.

3. Công tác kiểm tra CCHC

UBND Tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra CCHC năm 2024 và giao Sở Nội vụ chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan đến làm việc và kiểm tra công tác thực hiện CCHC của 08 sở, ngành tỉnh, 12/12 huyện, thành phố (mỗi đơn vị hành chính cấp huyện sẽ chọn ít nhất 01 đơn vị hành chính cấp xã để kiểm tra). Dự kiến tiến hành kiểm tra vào Quý II và Quý III năm 2024.

4. Về công tác tuyên truyền CCHC

Các nhiệm vụ tuyên truyền trong năm được xác định cụ thể trong Kế hoạch CCHC năm 2024 của Tỉnh. Chuyên mục "Biết để làm đúng" trên sóng phát thanh, truyền hình được duy trì 02 kỳ/tháng. Tính đến thời điểm báo cáo, Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Tháp phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tư pháp thực hiện 05 chuyên mục với nội dung phản ánh những gương điển hình để nhân

¹ Gồm: Sở Kế hoạch và Đầu tư và UBND huyện Châu Thành; tặng Bằng khen cho các cơ quan, địa phương có thành tích xếp hạng hai và hạng ba của cấp sở và cấp huyện là: Sở Nội vụ (hạng nhì), Ban Quản lý Khu kinh tế (hạng ba), UBND thành phố Hồng Ngự (hạng nhì) và UBND huyện Hồng Ngự (hạng ba).

rộng và chỉ ra những hạn chế, tồn tại để khắc phục... Chuyên trang CCHC của Báo Đồng Tháp hai tháng/01 kỳ đăng tải các tin tức, bài viết về hoạt động CCHC. Công Thông tin điện tử của Tỉnh, Trang Thông tin điện tử của Sở Nội vụ, Trang Thông tin điện tử CCHC của Tỉnh và của các cơ quan, địa phương thường xuyên cập nhật thông tin, bài viết về CCHC. Tỉnh tiếp tục thực hiện các video tuyên truyền, hướng dẫn về TTHC, các mô hình mới, cách làm hay, việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần trên các trang mạng xã hội, cũng như trên các phương tiện thông tin truyền thông.

5. Về thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao

Các nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao được UBND Tỉnh chỉ đạo triển khai kịp thời. Tính đến ngày 15/3/2024, Tỉnh có 29 nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao, trong đó, có 02 nhiệm vụ giải quyết trước hạn; 27 nhiệm vụ đang thực hiện (chưa đến hạn báo cáo).

6. Mô hình, sáng kiến, giải pháp mới về CCHC trong năm 2024

Chủ tịch UBND Tỉnh thường xuyên chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai hiệu quả Kế hoạch thực hiện các mô hình CCHC với mục tiêu xây dựng chính quyền thân thiện, phục vụ Nhân dân giai đoạn 2021 - 2026². Đồng thời, tiếp tục tập trung thực hiện các mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong công tác CCHC, như: Vận hành Hệ thống lấy ý kiến trong quy trình giải quyết TTHC lĩnh vực đầu tư trên địa bàn tỉnh; thực hiện kênh tiếp nhận phản ánh, kiến nghị từ ứng dụng e-DongThap đến Tổng đài 1022 và đánh giá sự hài lòng của người dân qua kết quả phản hồi các phản ánh, kiến nghị từ Tổng đài 1022; hoàn thiện các kênh tra cứu tiến độ hồ sơ giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh và đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền để người dân, tổ chức biết, sử dụng; Quyết định về việc giao cho Bưu điện tỉnh Đồng Tháp đảm nhận việc hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh; tiếp tục triển khai Mô hình Không gian hành chính phục vụ và Mô hình Lãnh đạo Tỉnh gặp gỡ người dân, doanh nghiệp thực hiện TTHC tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Đồng Tháp (thứ Hai hàng tuần). Ngoài ra, tại các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh tiếp tục triển khai thực hiện các sáng kiến, mô hình, cách làm hay trong công tác CCHC³. Qua đó, thể hiện quyết tâm và mong muốn của Tỉnh

² Quyết định số 1390/QĐ-UBND-HC ngày 11/9/2021 của Chủ tịch UBND Tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện các mô hình CCHC với mục tiêu xây dựng chính quyền thân thiện, phục vụ Nhân dân giai đoạn 2021 – 2026.

³ Sở Giao Thông vận tải thực hiện: "Công dân không viết trong cấp đổi Giấy phép lái xe", "đổi Giấy phép lái xe trong 2 giờ"; Sở VH,TT&DL thực hiện: "Hỗ trợ, hướng dẫn người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến tại Bộ phận Một cửa" và "Ứng dụng Zalo Official Sở trong tuyên truyền CCHC"; Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện: "Hướng dẫn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, hộ kinh doanh qua ứng dụng Zalo, TeamViewer, UltraViewer hoặc gửi hồ sơ qua Email để được kiểm tra hồ sơ đúng quy định, trước khi nộp chính thức"; các địa phương triển khai mới hoặc tiếp tục duy trì thực hiện các mô hình như: Huyện Hồng Ngự thực hiện Mô hình: Ngày thứ 7 chứng thực 4.0 và trả kết quả tại nhà; giải quyết TTHC lĩnh vực tư pháp tại nhà; ngày thứ 7 giải quyết TTHC tại nhà; giảm thời gian ngồi chờ giải quyết TTHC tại bộ phận một cửa; Người dân không viết và trả kết quả giải quyết thủ tục tại nhà cho người dân có hoàn cảnh khó khăn; Tuần lễ không hẹn; Tiếp nhận trực tuyến, họp xét tại nhà, trả kết quả tại chỗ. Thành phố Hồng Ngự: Mô hình tiếp nhận thông tin phản ánh qua ứng dụng TPHồngNgựSmart và Tổng đài trí tuệ nhân tạo 19008996 (IOC). Thành phố Cao Lãnh: Mô hình "Công an thành phố Cao Lãnh hướng về cơ sở trong công tác giải quyết TTHC"; "Hồ sơ không hẹn - Ứng dụng mã QR Code tra

cũng như các ngành, các cấp trong việc tiếp tục đẩy mạnh CCHC, nhất là xây dựng chính quyền thân thiện, phục vụ, công khai, minh bạch đối với người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn tới.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC

1. Cải cách thể chế

Trong kỳ, UBND Tỉnh ban hành 05 văn bản quy phạm pháp luật; đồng thời, đã rà soát 63 văn bản (15 Nghị quyết, 48 Quyết định). Kiểm tra 05 văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền.

Để bảo đảm công tác quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính, UBND Tỉnh ban hành các Kế hoạch như: Theo dõi thi hành pháp luật năm 2024 trên địa bàn tỉnh; thực hiện công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính năm 2024 trên địa bàn tỉnh; thực hiện công tác bồi thường Nhà nước năm 2024 trên địa bàn tỉnh. Ngoài ra, UBND Tỉnh ban hành văn bản triển khai nội dung theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2024. Trong kỳ, UBND Tỉnh xử lý 05 hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính.

Đối với thực hiện công tác quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật: UBND Tỉnh ban hành Quyết định số 73/QĐ-UBND-HC ngày 26/01/2024 về việc công nhận báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh; Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 30/01/2024 về thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và xây dựng, quản lý, khai thác tủ sách pháp luật năm 2024 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 26/02/2024 về triển khai các luật, nghị quyết mới được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 6, Kỳ họp chuyên đề lần thứ 5.

2. Cải cách TTHC

Thực hiện quy định về rà soát, đánh giá TTHC, UBND Tỉnh ban hành Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 05/02/2024 về rà soát, đánh giá TTHC năm 2024 trên địa bàn tỉnh. Tổng số TTHC dự kiến được rà soát, đánh giá là 174 thủ tục (tối thiểu 10% số TTHC của 03 cấp). Trên cơ sở Kế hoạch của UBND tỉnh, các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố đã xây dựng Kế hoạch, triển khai rà soát, đánh giá đối với các TTHC thuộc phạm vi, chức năng quản lý; dự kiến hoàn thành để báo cáo UBND Tỉnh chậm nhất ngày 15/7/2024.

- Tổng số Quyết định công bố TTHC/danh mục TTHC đã được ban hành trong kỳ báo cáo: 6. Tổng số TTHC/danh mục TTHC được công bố: 87; trong

cứu nhanh hồ sơ mẫu"; Tổ công nghệ số cộng đồng (xã Mỹ Tân); "Ngày thứ Ba nhanh chóng"; phát móc khóa tuyên truyền cải cách TTHC. Thành phố Sa Đéc: "Đội hỗ trợ dịch vụ công miễn phí"; mô hình Máy nhận - trả hồ sơ dịch vụ công trực tuyến tự động (Máy APS); mô hình "Ngày không chờ giải quyết TTHC cho nhân dân trên địa bàn xã năm 2023"; mô hình "Ngày thứ năm không hẹn"; mô hình "Chạm để biết. Huyện Tháp Mười: Mô hình "6 trong 1", Tổ Thanh niên tình nguyện hướng dẫn thực hiện dịch vụ công trực tuyến; giám sát chất lượng phục vụ của CBCCVC qua hệ thống camera tại các Bộ phận Một cửa từ huyện đến xã; "Một cửa không treo - Hồ sơ không đọng". Huyện Thanh Bình: "Ngày thứ ba không viết", "Ngày thứ năm không hẹn" và Mô hình "Đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến". Huyện Tân Hồng: Ứng dụng mã QR tra cứu TTHC; huyện Tam Nông: "Hướng dẫn người dân nộp hồ sơ trực tuyến tại trụ sở ấp", "Ngày thứ Bảy tình nguyện", "Ngày không hẹn"...

đó, số TTHC được công khai: 62. Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương: 1.739; trong đó, số TTHC cấp tỉnh: 1.351, cấp huyện: 225, cấp xã: 163.

- Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC tại các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh:

+ Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo là 223.508, trong đó: Số mới tiếp nhận trong kỳ: 212.506 (trực tuyến: 94.719; trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính: 117.787); số từ kỳ trước chuyển qua: 11.002.

+ Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 213.309; trong đó, giải quyết trước hạn: 173.528, đúng hạn: 39.282, quá hạn: 499.

+ Số lượng hồ sơ đang giải quyết: 10.199; trong đó, trong hạn: 9.952, quá hạn: 247.

- Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC: Tổng số phản ánh, kiến nghị đã tiếp nhận trong Quý I năm 2024 là 15 trong đó: Số tiếp nhận mới trong kỳ: 15; số từ kỳ trước chuyển qua: 0; số phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính: 12; số phản ánh, kiến nghị về hành vi hành chính: 3. Số phản ánh, kiến nghị đã xử lý: 15; trong đó, số đã được đăng tải công khai: 15. Số phản ánh, kiến nghị đang xử lý: 0.

+ Kết quả thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC: Việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC của các sở, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã được thực hiện theo đúng quy định về tổ chức đánh giá việc giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII, căn cứ Thông tư hướng dẫn, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Bộ quản lý về ngành, lĩnh vực đến nay cơ bản đã hoàn thành 17/18 cơ quan chuyên môn thuộc UBND Tỉnh (*còn lại Thanh tra Tỉnh đang xây dựng Quyết định ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo Thông tư mới*);

Tiếp tục rà soát, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở Kế hoạch số 290/KH-UBND ngày 16/8/2022 của UBND Tỉnh thực hiện giai đoạn 2022 - 2025. Ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Y tế; chỉ đạo UBND cấp huyện sắp xếp, tổ chức lại Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh thuộc Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện. Báo cáo Đoàn Giám sát, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Tháp kết quả về việc thực hiện chính sách, pháp luật về đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2018 - 2023.

Kiện toàn các Hội đồng quản lý và Hội đồng Trường các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND Tỉnh. Ngoài ra, Tỉnh còn rà soát thành lập, kiện toàn, bổ

sung thành viên các tổ chức tư vấn phối hợp liên ngành bảo đảm tinh gọn, đúng quy định và phù hợp theo lĩnh vực phụ trách của lãnh đạo UBND Tỉnh.

Căn cứ Quy định số 70-QĐ/TW⁴, Quyết định số 72-QĐ/TW⁵, Kết luận số 40-KL/TW⁶, Quyết định số 78-QĐ/BTCTW⁷, Công văn số 4028-CV/BTCTW⁸, UBND Tỉnh đã tham mưu cho Ban cán sự đảng UBND Tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy biên chế giai đoạn 2022 - 2026, trên cơ sở đó, đã trình HĐND Tỉnh phê duyệt và giao biên chế cho các cơ quan, đơn vị, địa phương năm 2024 đảm bảo theo số lượng được giao và lộ trình tinh giản biên chế theo quy định. Theo đó: Biên chế hành chính năm 2024 là 2.323 biên chế, giảm 35 biên chế so với năm 2023; tổng số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập là 27.021 người (trong đó số người làm việc dự phòng là 529 biên chế), giảm 421 người so với năm 2023; tổng số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại các hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ là 166 người, giảm 01 người so với năm 2023. Đồng thời, căn cứ Quyết định số 2416-QĐ/BTCTW ngày 06/12/2023 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Đồng Tháp năm 2024; Công văn số 7281/BNV-TCBC ngày 12/12/2023 của Bộ Nội vụ về việc thực hiện bổ sung biên chế giáo viên năm học 2023 - 2024, UBND Tỉnh giao bổ sung số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo cho Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thành phố năm 2024 là 183 người (từ nguồn biên chế dự phòng của Tỉnh).

Trên cơ sở Kết luận số 40-KL/TW, quy định các cơ quan, tổ chức, đơn vị tự quyết định việc sử dụng hợp đồng lao động và trả lương, phụ cấp cho lao động hợp đồng theo quy định từ ngân sách chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị, từ năm 2023, UBND Tỉnh không còn giao số lượng hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP (trước đây là Nghị định số 68/2000/NĐ-CP) cho các cơ quan, đơn vị, địa phương mà căn cứ vào tình hình thực tế các cơ quan, tổ chức, đơn vị tự quyết định việc sử dụng hợp đồng lao động và trả lương, phụ cấp cho lao động hợp đồng theo quy định từ ngân sách chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị.

Để khắc phục thực trạng thừa thiếu giáo viên cục bộ trên địa bàn tỉnh; bảo đảm các cơ sở giáo dục đủ số lượng người làm việc theo định mức quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, phấn đấu đến năm 2025, không còn thiếu giáo viên dạy lớp tại các cơ sở giáo dục, bảo đảm phương châm: “*Có học sinh phải có giáo viên*”, theo đó, các địa phương tiếp tục triển khai thực hiện Kế

⁴ Quy định số 70-QĐ/TW⁴ ngày 18/7/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về quản lý biên chế của hệ thống chính trị;

⁵ Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về biên chế các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022 - 2026;

⁶ Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 - 2026;

⁷ Quyết định số 78-QĐ/BTCTW ngày 28/9/2022 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2022 - 2026;

⁸ Công văn số 4028-CV/BTCTW ngày 04/10/2022 của Ban Tổ chức Trung ương về việc quản lý biên chế.

hoạch số 40/KH-UBND ngày 08/02/2023 của UBND Tỉnh về khắc phục việc thừa, thiếu cục bộ giáo viên và thiếu giáo viên trên địa bàn tỉnh.

UBND Tỉnh phê duyệt giải quyết chế độ, chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP cho 73 CBCCVC, người làm việc tại các Hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ, trong đó: 03 công chức, 58 viên chức, 11 CBCC cấp xã; 01 người làm việc tại Hội; thẩm định đối tượng không đủ tuổi tái cử và hưởng chế độ theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP cho 02 cán bộ cấp xã.

4. Cải cách chế độ công vụ

UBND Tỉnh đã chỉ đạo xây dựng và phê duyệt Đề án vị trí làm việc theo đề nghị của Bộ Nội vụ tại Công văn số 6139/BNV-TCBC ngày 20/10/2023 về việc xây dựng Đề án và phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; Công văn số 242-CV/BCSD ngày 18/02/2022 của Ban cán sự đảng Bộ Nội vụ về việc kết quả xây dựng vị trí việc làm CBCCVC và CBCC cấp xã; Công văn số 7269/BNV-TCBC ngày 11/12/2023 về việc triển khai xây dựng và phê duyệt vị trí việc làm. Bên cạnh đó, ngày 13/12/2023 UBND Tỉnh ban hành Công văn số 446/UBND-NCPC triển khai đến các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục xây dựng và rà soát những khó khăn, vướng mắc trong quá trình xây dựng Đề án vị trí việc làm trong các cơ quan, đơn vị, địa phương và hoàn thành trong Quý I/2024 theo quy định.

Công tác tuyển dụng công chức, viên chức của Tỉnh được thực hiện thường xuyên và nghiêm túc, đúng quy trình, thủ tục, bảo đảm công bằng, minh bạch, khách quan trong biên chế công chức và số người làm việc được cơ quan có thẩm quyền giao, không có cơ quan, đơn vị nào tuyển vượt biên chế, số lượng người làm việc được giao; công chức, viên chức được tuyển dụng đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Phân cấp tuyển dụng được thực hiện theo Quyết định số 39/2023/QĐ-UBND ngày 12/10/2023 của UBND Tỉnh ban hành Quy định phân cấp về quản lý tổ chức bộ máy và CBCCVC, người làm việc tại Hội trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, các Hội trên địa bàn tỉnh. Theo đó, tuyển dụng công chức thuộc thẩm quyền UBND Tỉnh và tiếp tục phân cấp tuyển dụng công chức (tiếp nhận vào làm công chức) và tuyển dụng viên chức các cơ quan, địa phương, bảo đảm sự chủ động cho các đơn vị, kết hợp với nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện phân cấp. Tuyển dụng thông qua hình thức thi tuyển đối với công chức, thi tuyển và xét tuyển đối với viên chức, bảo đảm theo đúng các quy định pháp luật. UBND Tỉnh tổ chức kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức từ cán sự hoặc tương đương lên chuyên viên hoặc tương đương, từ chuyên viên lên chuyên viên chính năm 2023 bảo đảm khách quan, công bằng, công khai và đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; bảo đảm phù hợp với cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp theo vị trí việc làm được phê duyệt. Kết quả đạt được: Nâng ngạch, thăng hạng lên chuyên viên chính: 134 người; nâng ngạch lên chuyên viên và tương đương: 16 người. Phân cấp thăng hạng viên chức ở hạng chức danh nghề nghiệp chuyên viên trở xuống cho các cơ quan, đơn vị, địa phương, bảo đảm sự

chủ động cho các đơn vị, kết hợp với nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện phân cấp.

Việc đánh giá, quy hoạch, bố trí sử dụng, điều động bổ nhiệm được thực hiện nghiêm theo các quy định. Quy trình, tiêu chuẩn bổ nhiệm được cụ thể, bảo đảm tính dân chủ, công khai, minh bạch, nhằm giới thiệu, đề bạt những cán bộ có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có năng lực, kinh nghiệm thực tiễn đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo chủ chốt các cấp, các ngành.

UBND Tỉnh ban hành Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 31/01/2024 về đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC năm 2024, theo đó đề ra 12 nội dung đào tạo, bồi dưỡng, góp phần nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBCCVC trên địa bàn tỉnh. Giao Sở Nội vụ tham mưu dự thảo Quyết định điều chỉnh quy chế đào tạo sau đại học ở nước ngoài đối với CBCCVC trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; tham mưu Ban cán sự đảng UBND Tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy dự thảo Đề án Đào tạo trình độ sau đại học trong nước và ngoài nước trong khu vực công của tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030.

Tính từ đầu năm đến nay, UBND Tỉnh đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức, cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng 181 lượt CBCCVC. Trong đó, cử tham gia đào tạo 164 lượt CBCCVC⁹; cử tham gia bồi dưỡng 17 lượt CBCCVC¹⁰.

CBCCVC của Tỉnh cơ bản chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính. Nhằm tạo bước chuyển biến rõ nét về kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao đạo đức nghề nghiệp, đạo đức công vụ của CBCCVC trong thực thi công vụ, Tỉnh ủy, UBND Tỉnh đã tập trung quán triệt, chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành Tỉnh và UBND cấp huyện tiếp tục thực hiện Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Văn hóa công vụ; Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp; Kế hoạch số 55-KH/TU ngày 20/12/2021 của Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” giai đoạn 2021 - 2025, tiếp tục đề ra các nhiệm vụ giải pháp nhằm nâng cao đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp của CBCCVC.

Để tổ chức hoạt động kiểm tra công vụ, UBND Tỉnh ban hành Quyết định số 102/QĐ-UBND-TL ngày 14/6/2023 về việc thành lập Đoàn Kiểm tra công vụ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Kế hoạch số 221/KH-ĐKT ngày 24/01/2024 của Đoàn Kiểm tra về kiểm tra công vụ trên địa bàn tỉnh. Theo đó, hoạt động kiểm tra góp phần chấn chỉnh tác phong, lề lối làm việc của đội ngũ CBCCVC; nâng cao văn hóa công sở, chất lượng công vụ, đạo đức công vụ; phòng ngừa, phát

⁹ Cử tham gia đào tạo trung cấp lý luận chính trị hệ tập trung: 150 CBCCVC; tham gia đào tạo sau đại học 14 CBCCVC.

¹⁰ Tham gia bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp phòng: 03 CBCCVC; tham gia bồi dưỡng ngạch chuyên viên và tương đương: 07 CBCCVC; tham gia bồi dưỡng ngạch chuyên viên chính và tương đương: 07 lượt CBCCVC.

hiện và xử lý hành vi vi phạm pháp luật trong thực thi công vụ, văn hóa công sở, đạo đức công vụ; giúp cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện đúng quy định của pháp luật; phát huy nhân tố tích cực góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước của UBND Tỉnh, Chủ tịch UBND Tỉnh. Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ của UBND Tỉnh, Chủ tịch UBND Tỉnh giao, bảo đảm các chỉ đạo được thực hiện nghiêm túc, khẩn trương, đúng quy định pháp luật. Nâng cao nhận thức về tinh thần, thái độ làm việc, chuẩn mực giao tiếp, ứng xử, đạo đức, lối sống trong thực hiện nhiệm vụ công vụ, góp phần tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của nền công vụ, đáp ứng yêu cầu phục vụ Nhân dân và xã hội.

UBND Tỉnh tiếp tục rà soát, thực hiện nâng cấp phần mềm quản lý hồ sơ CBCCVV để hoàn chỉnh cơ sở dữ liệu quốc gia theo Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 25/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về CBCCVV trong các cơ quan nhà nước và Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

5. Cải cách tài chính công

Tình hình thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh đến ngày 29/02/2024: 1.739 tỷ đồng, bằng 18,77% so với dự toán và đạt 106,50% so với cùng kỳ năm trước. Chi cân đối ngân sách 2.961 tỷ đồng, đạt 17,80% so với dự toán.

- Công tác theo dõi giải ngân vốn đầu tư công đến ngày 31/01/2024: Đã giải ngân 7.146.743/7.552.134 triệu đồng, đạt 94% so với kế hoạch và tăng 5% so với cùng kỳ 2023.

- Kết quả thực hiện kiến nghị của kiểm toán nhà nước về công tác quản lý ngân sách, tiền và tài sản nhà nước: Kiến nghị của kiểm toán về xử lý tài chính của các đơn vị, địa phương: Đã thực hiện: 1.942.664.884.829/3.337.479.613.631 đồng, đạt tỷ lệ 58%. Số còn lại: 1.394.814.728.802 đồng chưa thực hiện kiến nghị (định kỳ, Sở Tài chính có văn bản đôn đốc gửi Chủ đầu tư về xử lý công nợ, nhưng các đơn vị chưa thực hiện kịp thời).

- Công tác quản lý sử dụng tài sản công: Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công đã được xây dựng và ban hành tương đối đầy đủ theo đúng quy định của Chính phủ và thông tư của Bộ Tài chính. Thông qua các quy định của Luật về phân công, phân cấp trách nhiệm của các cơ quan trong quản lý, sử dụng tài sản công; quyền và nghĩa vụ của cơ quan, đơn vị, tổ chức trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công; ý thức trách nhiệm của các cơ quan quản lý và cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng được nâng lên rõ rệt; góp phần đưa công tác quản lý tài sản công đi vào nề nếp.

Nhìn chung, việc quản lý và sử dụng tài sản nhà nước của các đơn vị trên địa bàn tỉnh đều thực hiện theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo đúng quy định hiện hành, góp phần tiết kiệm, chống lãng phí trong chi tiêu ngân sách, nâng cao năng lực, sử dụng hợp lý, hiệu quả tài sản nhà nước như: Tài sản

được mua sắm trong dự toán được giao, được quản lý và sử dụng đúng mục đích, không sử dụng tài sản nhà nước để cho thuê, chuyển làm cơ sở kinh doanh, dịch vụ trái quy định. Công tác báo cáo kê khai và công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản công được các cơ quan, đơn vị quan tâm thực hiện theo đúng quy định.

Song song với những mặt đã đạt được, vẫn còn tồn tại một số hạn chế như: Một số ít cơ quan, đơn vị chưa nhận thức đầy đủ mục đích, ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác quản lý tài sản công, việc chấp hành các chế độ báo cáo tài sản nhà nước và hạch toán tài sản chưa kịp thời. Đặc biệt là một số cơ quan, đơn vị chưa thực hiện báo cáo kê khai biến động tăng, giảm tài sản hàng năm theo quy định, dẫn đến khó khăn trong công tác cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu về tài sản nhà nước trong Cơ sở dữ liệu Quốc gia về tài sản nhà nước. Nguyên nhân: Cán bộ làm công tác này tại các đơn vị phải kiêm nhiệm nhiều việc, thường xuyên thay đổi dẫn đến việc không nắm được các văn bản hướng dẫn quy định về quản lý, sử dụng tài sản và các loại báo cáo tài sản nhà nước.

- Tính đến thời điểm báo cáo, toàn tỉnh có 747 đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cơ chế tự chủ tài chính. Cụ thể:

+ Cấp tỉnh là 122 đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó: 10 đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; 24 đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên; 64 đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên; 24 đơn vị sự nghiệp do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

+ Cấp huyện là 625 đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó: 01 đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; 24 đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên; 08 đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên; 592 đơn vị sự nghiệp do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

Việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập đã đánh dấu bước chuyển mình mạnh mẽ của các đơn vị sự nghiệp khi được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc tổ chức, sắp xếp bộ máy, biên chế và nguồn lực tài chính để hoàn thành nhiệm vụ được giao, phát huy mọi khả năng của đơn vị để cung cấp dịch vụ công với chất lượng cao cho xã hội, tăng nguồn thu nhằm từng bước giải quyết thu nhập cho viên chức và người lao động trong đơn vị. Hiện tại, Sở Tài chính đang tiếp tục thẩm định phương án tự chủ theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ về Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

Tiếp tục tham mưu triển khai Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 31/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh khoá XI về chuyển đổi số tỉnh Đồng Tháp, UBND Tỉnh ban hành Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Đồng Tháp năm 2024. Bên cạnh đó, Chủ tịch UBND Tỉnh chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu UBND Tỉnh xây dựng Quy chế vận hành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Tỉnh.

Đã hoàn thành dự án Nâng cấp hệ thống hạ tầng Công nghệ thông tin, dự

án Nâng cấp hệ thống hạ tầng phục vụ Chính quyền số và an toàn thông tin mạng tỉnh Đồng Tháp bổ sung về hạ tầng cho Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, bao gồm: Máy chủ, lưu trữ, tường lửa... để bảo đảm hoạt động và an toàn thông tin cho Hệ thống thông tin giải quyết TTHC.

Đang triển khai Dự án Xây dựng kho dữ liệu dùng chung và nền tảng dữ liệu mở phục vụ xây dựng Hệ thống nền tảng quản lý kho dữ liệu dùng chung tỉnh Đồng Tháp; Công tích hợp dữ liệu ngành cho từng ngành, lĩnh vực; Hệ thống nền tảng dữ liệu mở tỉnh Đồng Tháp; Hệ thống báo cáo thống kê kho dữ liệu và dữ liệu mở; các bộ dữ liệu dùng chung và dữ liệu mở các ngành. Bên cạnh đó, ngày 08/3/2024, UBND Tỉnh ban hành Quyết định số 188/QĐ-UBND-HC về điều chỉnh các biểu mẫu báo cáo thống kê trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đồng Tháp theo mẫu biểu mới hiện hành.

Tiếp tục nâng cấp ứng dụng e-Đồng Tháp hỗ trợ người dân tra cứu tình trạng giải quyết TTHC, phản ánh, kiến nghị những bất cập khó khăn hoặc gửi yêu cầu hỗ trợ trong việc giải quyết TTHC. Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai số hoá và tái sử dụng giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC bảo đảm hoàn thành tỷ lệ của Văn phòng Chính phủ giao. Kết quả giải quyết TTHC, tình hình triển khai văn bản điều hành và một số lĩnh vực kinh tế - xã hội đều đã được tích hợp lên Hệ thống giám sát, điều hành thông minh thuộc Trung tâm Chuyển đổi số của Tỉnh để lãnh đạo có thể theo dõi, giám sát tình hình triển khai thực hiện của các chỉ tiêu kinh tế - xã hội.

Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cung cấp 841 dịch vụ công trực tuyến toàn trình và 561 dịch vụ công trực tuyến một phần. Tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia 1.098 TTHC. Tổng số hồ sơ phát sinh dưới hình thức trực tuyến là 59,80% (82.029/137.172 hồ sơ trực tiếp và trực tuyến). 100% TTHC có thu phí, lệ phí được triển khai thanh toán trực tuyến. Tỷ lệ phát sinh thanh toán trực tuyến là 35,66%.

(Kèm theo các Phụ lục số liệu)

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ QUÝ II NĂM 2024

1. Tiếp tục triển khai thực hiện những nội dung, nhiệm vụ, mục tiêu của Kế hoạch CCHC năm 2024.

2. Hoàn thiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông điện tử ở cấp xã; ban hành các quy định về TTHC thực hiện quy trình giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông để thực hiện thống nhất trong toàn tỉnh.

3. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy định của pháp luật về số lượng biên chế công chức; tuyển dụng viên chức; bổ nhiệm công chức, viên chức quản lý; tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của viên chức tại các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh.

4. Tổ chức kiểm tra công tác CCHC tại các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh (dự kiến Quý II và Quý III).

5. Tổ chức tham quan thực tế các mô hình về CCHC, nâng cao năng lực đội ngũ công chức chuyên trách CCHC các sở, ngành tỉnh và UBND cấp huyện.

6. Xây dựng Đề án, phương án điều tra, khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh.

7. Tiếp tục nâng cao chất lượng thực hiện việc chuyển giao các nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công cho Bưu điện Tỉnh và Tổng đài Thông tin dịch vụ công 1022 tỉnh Đồng Tháp.

Trên đây là kết quả thực hiện CCHC Quý I và phương hướng, nhiệm vụ Quý II năm 2024, UBND tỉnh Đồng Tháp báo cáo Chính phủ và Bộ Nội vụ./.

Nơi nhận:

- BCĐ CCHC của CP;
- Bộ Nội vụ, VP.CP (I, II);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND Tỉnh;
- Các PCT UBND Tỉnh;
- Các sở, ngành tỉnh;
- Các ĐVSN trực thuộc UBND Tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Lưu: VT, HCC (T).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Thiện Nghĩa

Phụ lục
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH QUÝ I NĂM 2024
(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /3/2024 của UBND Tỉnh)

Biểu mẫu 1
Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC

| Stt | Chỉ tiêu thống kê (Số liệu quý I năm 2024) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|--------|---|------------------|---------|---------|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 1. | Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt) | Văn bản | 15 | |
| 2. | Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo) | % | 19,35 | |
| 2.1. | Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch | Nhiệm vụ | 31 | |
| 2.2. | Số nhiệm vụ đã hoàn thành | Nhiệm vụ | 6 | |
| 3. | Kiểm tra CCHC | | | |
| 3.1. | Số sở, ngành đã kiểm tra | Cơ quan, đơn vị | 0/8 | |
| 3.2. | Số UBND cấp huyện đã kiểm tra | Cơ quan, đơn vị | 0/12 | |
| 3.3. | Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra | % | 0 | |
| 3.3.1. | Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra | Vấn đề | 0 | |
| 3.3.2. | Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong | Vấn đề | 0 | |

| Stt | Chỉ tiêu thống kê (Số liệu quý I năm 2024) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|-----------|--|----------------------------------|---------|---------------------------------|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 4. | Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy (thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ) | | | |
| 4.1. | Số cơ quan, đơn vị được thanh tra | Cơ quan, đơn vị | 01 | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 4.2. | Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra | % | 0 | |
| 5. | Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao | | | |
| 5.1. | Tổng số nhiệm vụ được giao | | 29 | 27 nhiệm vụ đang thực hiện |
| 5.2. | Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn | Nhiệm vụ | 02 | Sớm hạn |
| 5.3. | Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn | Nhiệm vụ | 0 | |
| 5.4. | Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành | Nhiệm vụ | 0 | |
| 6. | Khảo sát sự hài lòng của người dân | Nhiệm vụ | | |
| 6.1. | Số lượng phiếu khảo sát | Số lượng | 0 | |
| 6.2. | Hình thức khảo sát | Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 | 0 | |

| Stt | Chỉ tiêu thống kê (Số liệu quý I năm 2024) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|-----|--|---------------------|---------|---|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| | | Kết hợp = 2 | | |
| 7. | Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp | Không = 0 Có = 1 | 1 | Họp mặt doanh nghiệp đầu năm 2024 và tuyên dương "Doanh nghiệp tiêu biểu", "Doanh nghiệp nhỏ và vừa tiêu biểu", "Doanh nhân năng động sáng tạo" tỉnh Đồng Tháp năm 2023, tổ chức ngày 01/02/2024. |

Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

| STT | Chỉ tiêu thống kê (Số liệu báo cáo quý I năm 2024) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|-----------|--|------------------|-----------|----------------|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 1. | Tổng số VBQPPL¹ do địa phương ban hành | Văn bản | 23 | |
| 1.1. | Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành | Văn bản | 05 | Quyết định |
| 1.2. | Số VBQPPL do cấp huyện ban hành | Văn bản | 18 | Quyết định |
| 1.3. | Số VBQPPL do cấp xã ban hành | Văn bản | 0 | |
| 2. | Kiểm tra, xử lý VBQPPL | | | |
| 2.1. | Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh | Văn bản | 05 | |
| 2.2. | Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra | % | 100% | |
| 2.2.1. | <i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra</i> | <i>Văn bản</i> | 0 | |
| 2.2.2. | <i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i> | <i>Văn bản</i> | 0 | |
| 3. | Rà soát VBQPPL | | | |
| 3.1. | Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh | Văn bản | 63 | |
| 3.2. | Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát | % | 02 | 15 Nghị quyết; |

¹ Văn bản quy phạm pháp luật.

| STT | Chỉ tiêu thống kê (Số liệu báo cáo quý I năm 2024) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|--------|---|------------------|---------|---------------|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| | | | | 48 Quyết định |
| 3.2.1. | Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát | Văn bản | 01 | Đang xử lý |
| 3.2.2. | Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong | Văn bản | 0 | |

Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

| STT | Chỉ tiêu thống kê (Số liệu báo cáo quý I năm 2024) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|-----------|---|------------------|---------|---------|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 1. | Thống kê TTHC | | | |
| 1.1. | Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa | Thủ tục | | |
| 1.2. | Số TTHC công bố mới | Thủ tục | 25 | |
| 1.3. | Số TTHC bãi bỏ, thay thế | Thủ tục | 25 | |
| 1.4. | Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương | Thủ tục | 1.739 | |
| 1.4.1. | <i>Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i> | <i>Thủ tục</i> | 1.351 | |
| 1.4.2. | <i>Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i> | <i>Thủ tục</i> | 225 | |
| 1.4.3. | <i>Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i> | <i>Thủ tục</i> | 163 | |
| 2. | Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông | | | |
| 2.1. | Số TTHC liên thông cùng cấp | Thủ tục | 17 | |
| 2.2. | Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền | Thủ tục | 58 | |
| 2.3. | Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính. | Thủ tục | 0 | |
| 3. | Kết quả giải quyết TTHC | | | |

| STT | Chỉ tiêu thống kê (Số liệu báo cáo quý I năm 2024) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|--------|---|------------------|---------|---------|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 3.1. | Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn | % | 99,7% | |
| 3.1.1. | <i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i> | <i>Hồ sơ</i> | 84.152 | |
| 3.1.2. | <i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i> | <i>Hồ sơ</i> | 83.926 | |
| 3.2. | Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn | % | 99,5% | |
| 3.2.1. | <i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i> | <i>Hồ sơ</i> | 13.704 | |
| 3.2.2. | <i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i> | <i>Hồ sơ</i> | 13.636 | |
| 3.3. | Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn | % | 99,8% | |
| 3.3.1. | <i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i> | <i>Hồ sơ</i> | 115.453 | |
| 3.3.2. | <i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i> | <i>Hồ sơ</i> | 115.248 | |
| 3.4. | Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC | % | 100% | |
| 3.4.1. | <i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i> | <i>PAKN</i> | 15 | |
| 3.4.2. | <i>Số PAKN đã giải quyết xong</i> | <i>PAKN</i> | 15 | |

Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

| STT | Chỉ tiêu thống kê (Số liệu báo cáo quý I năm 2024) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|-----------|---|------------------------|------------|---|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 1. | Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy | | | |
| 1.1. | Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ | % | 100 | |
| 1.2. | Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ | % | 100 | |
| 1.3. | Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh | Ban | 3 | |
| 1.4. | Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập | Tổ chức | 48 | |
| 1.5. | Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương | Cơ quan, đơn vị | 735 | |
| 1.5.1. | <i>Số ĐVSNCL thuộc UBND Tỉnh</i> | <i>Cơ quan, đơn vị</i> | <i>8</i> | |
| 1.5.2. | <i>Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương</i> | <i>Cơ quan, đơn vị</i> | <i>124</i> | <i>Trong đó có 02 Trung tâm thuộc Vườn QG Tràm Chim và 12 Trạm thuộc Chi cục, thuộc Sở NN&PTNT.</i> |
| 1.5.3. | <i>Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện</i> | <i>Cơ quan, đơn vị</i> | <i>603</i> | |

| STT | Chỉ tiêu thống kê (Số liệu báo cáo quý I năm 2024) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|-----------|---|------------------|---------|--|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 1.5.4. | Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015 | % | 72,54 | 953 đơn vị, không tính 144 Trạm Y tế xã, phường, thị trấn (số liệu cũ tính cả trạm y tế là 1.097 đơn vị) |
| 2. | Số liệu về biên chế công chức | | | |
| 2.1. | Tổng số biên chế được giao trong năm | Người | 2.323 | |
| 2.2. | Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo | Người | 2.174 | |
| 2.3. | Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính | Người | 00 | UBND Tỉnh không còn giao hợp đồng lao động từ năm 2023 |
| 2.4. | Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo | Người | 356 | Số biên chế đã tinh giản so với thời điểm năm 2015 (Tích lũy từ năm 2015 đến thời điểm báo cáo) |

| STT | Chỉ tiêu thống kê (Số liệu báo cáo quý I năm 2024) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|-----------|--|------------------|---------|--|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 2.5. | Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015 | % | 13,29 | |
| 3. | Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập | | | |
| 3.1. | Tổng số người làm việc được giao | Người | 27.021 | |
| 3.2. | Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo | Người | 24.639 | |
| 3.3. | Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo | Người | 4.470 | Số người đã tinh giản so với thời điểm năm 2015 (Tích lũy từ năm 2015 đến thời điểm báo cáo) |
| 3.4. | Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015 | % | 15,00 | |

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

| STT | Chỉ tiêu thống kê (Số liệu báo cáo quý I năm 2024) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|-----------|--|------------------|---------|---|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 1. | Vị trí việc làm của công chức, viên chức | | | |
| 1.1. | Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định | Cơ quan, đơn vị | 33 | UBND Tỉnh đang phê duyệt lại theo chỉ đạo của Bộ Nội vụ tại Công văn số 7269/BNV-TCBC (hoàn thành trong quý I/2024) |
| 1.2. | Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định | Cơ quan, đơn vị | 735 | |
| 1.3. | Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra | Cơ quan, đơn vị | 0 | |
| 2. | Tuyển dụng công chức, viên chức | | | |
| 2.1. | Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển) | Người | 07 | Kỳ tuyển dụng công chức năm 2023 |
| 2.2. | Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt. | Người | 09 | |
| 2.3. | Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức | Người | 03 | |

| STT | Chỉ tiêu thống kê (Số liệu báo cáo quý I năm 2024) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|-----------|--|------------------|-----------|---------|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| | cấp huyện trở lên. | | | |
| 2.4. | Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển). | Người | 184 | |
| 2.5. | Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt. | Người | 01 | |
| 3. | Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm) | Người | 00 | |
| 4. | Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền). | | | |
| 4.1. | Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật. | Người | | |
| 4.2. | Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật. | Người | | |
| 4.3. | Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật. | Người | 01 | |
| 4.4. | Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật. | Người | 01 | |

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

| STT | Chỉ tiêu thống kê (Số liệu báo cáo quý I năm 2024) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|-------------|---|------------------|------------|---------|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 1. | Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công | % | 94% | |
| 1.1. | Kế hoạch được giao | Triệu đồng | 7.146.743 | |
| 1.2. | Đã thực hiện | Triệu đồng | 7.552.134 | |
| 2. | Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo) | | | |
| 2.1. | Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương | Đơn vị | 747 | |
| 2.2. | Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư | Đơn vị | 11 | |
| 2.3. | Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên | Đơn vị | 48 | |
| 2.4. | Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên | Đơn vị | 72 | |
| 2.4.1. | <i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i> | <i>Đơn vị</i> | 18 | |
| 2.4.2. | <i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i> | <i>Đơn vị</i> | 14 | |
| 2.4.3. | <i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i> | <i>Đơn vị</i> | 40 | |
| 2.5. | Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên | Đơn vị | 616 | |
| 2.6. | Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo) | Đơn vị | 0 | |

Biểu mẫu 7
Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

| STT | Chỉ tiêu thống kê (Số liệu báo quý I năm 2024) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|--------|---|--|------------|---------|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 1. | Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất | Chưa = 0 Hoàn thành = 1 | 1 | |
| 2. | Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i> | Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2 | 2 | |
| 3. | Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia | % | 100 | |
| 4. | Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP). | Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2 | 2 | |
| 5. | Số liệu về trao đổi văn bản điện tử | | | |
| 5.1. | Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã | | | |
| 5.1.1. | <i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i> | % | 100 | |
| 5.1.2. | <i>Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i> | % | 100 | |
| 5.1.3. | <i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.</i> | % | 100 | |
| 5.2. | Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (<i>Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số,</i> | % | 94,91 | |

| STT | Chỉ tiêu thống kê (Số liệu báo quý I năm 2024) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|-----------|--|------------------|---------|---------|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| | <i>chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).</i> | | | |
| 5.2.1. | <i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh</i> | % | 98,00 | |
| 5.2.2. | <i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện</i> | % | 90,18 | |
| 5.2.3. | <i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã</i> | % | 99,16 | |
| 5.3. | Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh | | | |
| 5.3.1. | <i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống</i> | % | 100 | |
| 5.3.2. | <i>Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống</i> | % | 100 | |
| 5.3.3. | <i>Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống</i> | % | 100 | |
| 6. | Cung cấp dịch vụ công trực tuyến | | | |
| 6.1. | Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến một phần | % | 100 | |
| 6.1.1. | <i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến một phần</i> | <i>Thủ tục</i> | 561 | |
| 6.1.2. | <i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến một phần</i> | <i>Thủ tục</i> | 561 | |
| 6.1.3. | <i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến một phần có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i> | <i>Thủ tục</i> | 113 | |
| 6.2. | Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình | % | 100 | |
| 6.2.1. | <i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến toàn trình</i> | <i>Thủ tục</i> | 841 | |
| 6.2.2. | <i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình</i> | <i>Thủ tục</i> | 841 | |
| 6.2.3. | <i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình có phát sinh hồ sơ</i> | <i>Thủ tục</i> | 212 | |

| STT | Chỉ tiêu thống kê (Số liệu báo quý I năm 2024) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|--------|--|------------------|----------------|---------|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| | <i>nộp trực tuyến</i> | | | |
| 6.3. | Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến toàn tỉnh và một phần đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia | % | 78,31% | |
| 6.3.1. | <i>Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn tỉnh và một phần của địa phương</i> | <i>Thủ tục</i> | <i>1.402</i> | |
| 6.3.2. | <i>Số TTHC cung cấp trực tuyến toàn tỉnh và một phần đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia</i> | <i>Thủ tục</i> | <i>1.098</i> | |
| 6.4. | Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến toàn tỉnh và một phần (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ toàn tỉnh và một phần có phát sinh hồ sơ) | % | 59,80% | |
| 6.4.1. | <i>Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)</i> | <i>Hồ sơ</i> | <i>137.172</i> | |
| 6.4.2. | <i>Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến</i> | <i>Hồ sơ</i> | <i>82.029</i> | |
| 6.5. | Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến | % | 100 | |
| 6.5.1. | <i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)</i> | <i>Thủ tục</i> | <i>805</i> | |
| 6.5.2. | <i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.</i> | <i>Thủ tục</i> | <i>805</i> | |